

CÔNG TY TNHH LONG UYÊN



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG THÁP	
ĐẾN Số:
Ngày: 14/01/2026
Chuyển: <i>[Signature]</i>
Số và ký hiệu HS:

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

CÔNG TY TNHH LONG UYÊN

ẤP TÂY, XÃ KIM SƠN, TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐỒNG THÁP, THÁNG 01 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH LONG UYÊN



UBND XÃ KIM SƠN

ĐẾN Số: 12
Ngày: 15/01/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

CÔNG TY TNHH LONG UYÊN

ẤP TÂY, XÃ KIM SƠN, TỈNH ĐỒNG THÁP

CHỦ ĐẦU TƯ

Võ Công Thức

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Võ Trung Thiện

ĐỒNG THÁP, THÁNG 01 NĂM 2026

Số: 004/0126/HCQT

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy chế biến nông sản.
- Địa chỉ: Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp.
- Số điện thoại: 02822 106 789.
- Người đại diện: Nguyễn Võ Tuấn Huy. Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chuyên sản xuất các nông sản, trái cây đông lạnh xuất khẩu như: khổ qua, bắp, khoai lang, khoai mì, khóm, thanh long, măng cầu, xoài, chôm chôm, ...
- Quy mô: Dự án đầu tư thuộc Nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, tổng mức đầu tư 35.000.000.000 đồng.
- Công suất: 7.200 tấn sản phẩm/năm.
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0307770545, đăng ký lần đầu ngày 12/3/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/7/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Mã số thuế: 0307770545.
- Giấy phép môi trường số: 2314/GPMT-UBND ngày 21/08/2023 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp.
- Giấy chứng nhận ISO 140001 số:
- Khối lượng sản phẩm, nhiên liệu, điện nước của năm 2025 và năm 2024. Số liệu năm 2025 được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025:

TT	Tên nguyên liệu	Năm 2025	Năm 2024
1	Khối lượng sản phẩm	7.200 tấn sản phẩm	7.200 tấn sản phẩm
	Nhiên liệu	Dầu DO: 1800 lít/năm (sử dụng cho máy phát điện dự phòng khi bị mất điện) Gas: 4.346,0 kg	Dầu DO: 1800 lít/năm (sử dụng cho máy phát điện dự phòng khi bị mất điện) Gas: 3.548,6 kg
2	Điện năng tiêu thụ (lưới điện EVN)	4.661.704 kWh/năm	3.218.512 kWh/năm

TT	Tên nguyên liệu	Năm 2025	Năm 2024
3	Điện năng lượng mặt trời áp mái (<i>bán cho Công ty Điện lực Đồng Tháp</i>)	21.182 kWh/năm	44.923 kWh/năm
4	Nước cấp	40.736 m ³ /năm	38.007 m ³ /năm

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

Nguồn phát sinh nước thải trong quá trình vận hành gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên;
- Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp;
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất;
- Nguồn số 04: Nước vệ sinh bồn lọc nước giếng khoan

Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Tiền.

Vị trí xả nước thải: Sông Tiền thuộc ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp. Toạ độ vị trí xả thải (*theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*): X = 1141545; Y = 552358.

Lưu lượng xả nước thải tối đa: 150 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy theo đường ống PVC Ø90mm dài khoảng 20 m dẫn thoát ra sông Tiền;

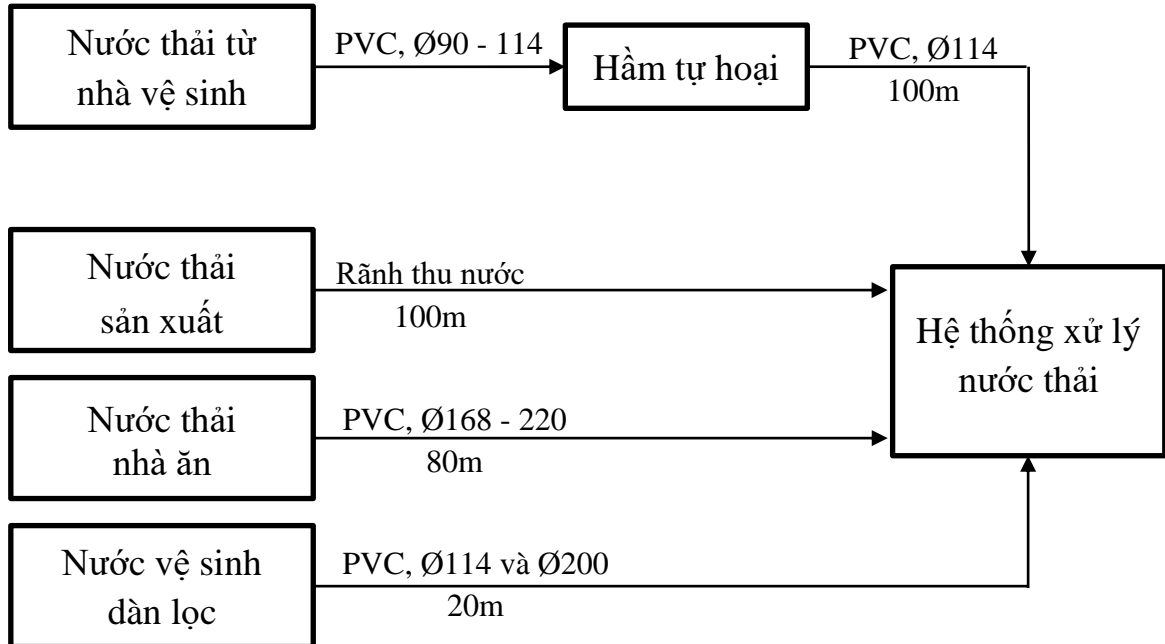
- Chế độ xả nước thải: Tự chảy, liên tục 24 giờ;

- Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 1,1$; $K_f = 1,1$.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	pH	-	6 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	36,3
3	COD	mg/L	90,75
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	60,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	6,05
6	Tổng Nitơ (tính theo P)	mg/L	24,2
7	Tổng Phốt pho	mg/L	4,84
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	6,05

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép
9	Sunfua	mg/L	0,242
10	Clo dư	mg/L	1,21
11	Coliforms	MPN/100mL	3.000

Các công trình thu gom và thoát nước thải của công ty:



Công suất tối đa Hệ thống xử lý nước thải: 150 m³/ngày.đêm.

Hóa chất xử lý: Sử dụng Chlorine 2-5/kg/tháng cho công đoạn khử trùng

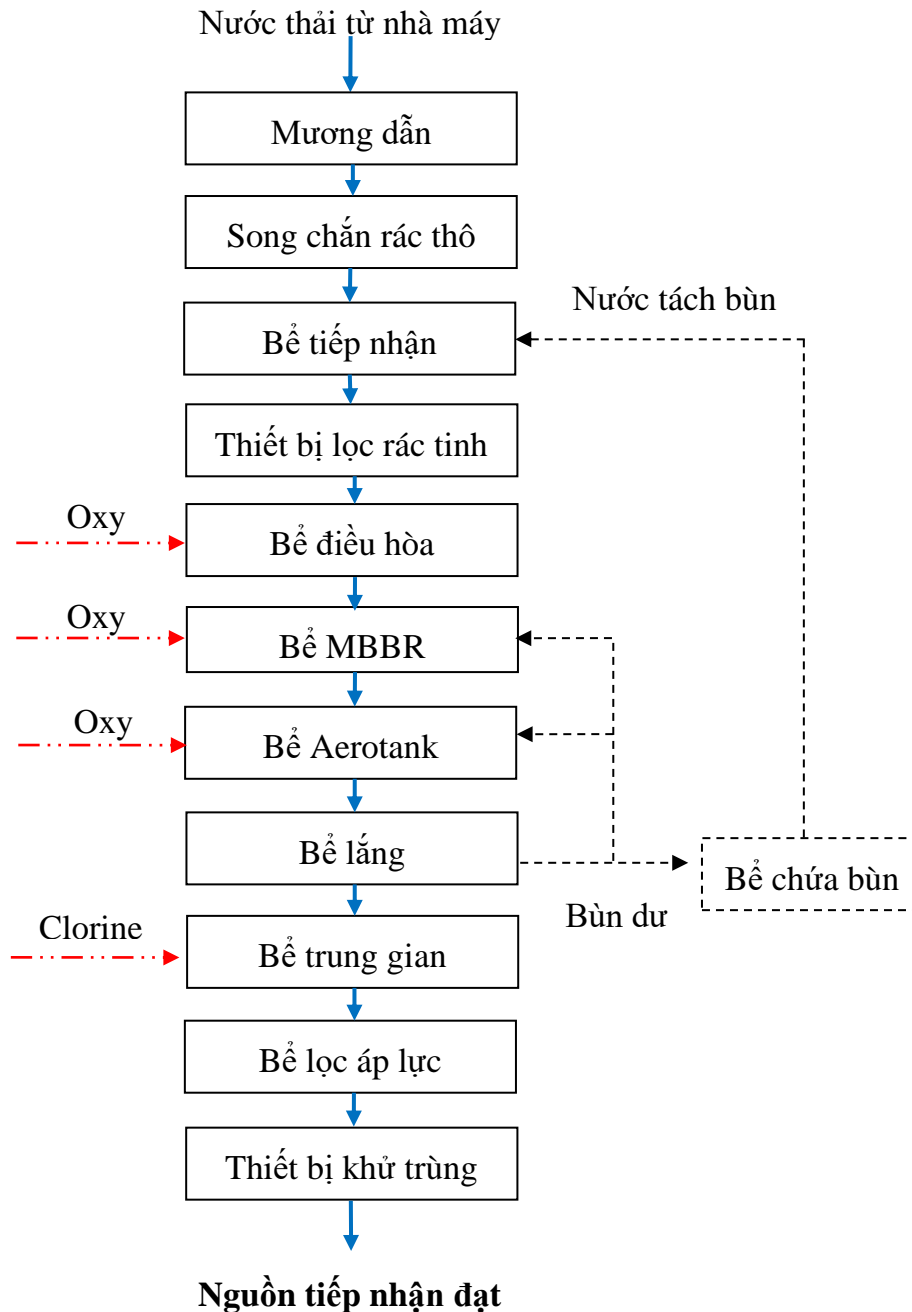
Tổng lượng nước thải phát sinh năm 2025: 37.186 m³/năm. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh hiện tại của nhà máy có lưu lượng trung bình khoảng 101,9 m³/ngày đêm. Công suất của hệ thống là Q = 150 m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ sinh học.

Tổng lượng nước thải phát sinh năm 2024: 34.865 m³/năm. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh hiện tại của nhà máy có lưu lượng trung bình khoảng 99,3 m³/ngày đêm. Công suất của hệ thống là Q = 150 m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ sinh học.

Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (đối với các cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp): Căn cứ vào Giấy phép môi trường số 2314/GPMT-UBND, Công ty TNHH Long Uyên không thuộc đối tượng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hay cụm công nghiệp. Cơ sở thực hiện xử lý nước thải cục bộ tại Nhà máy và xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận

Chuyển giao nước thải theo quy định (nếu có): Trong năm báo cáo, Công ty không thực hiện việc chuyển giao nước thải cho đơn vị chức năng mà tự xử lý

toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở (Công suất thiết kế $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).



QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Sơ đồ Hệ thống xử lý nước thải công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:
 - + Đợt 1: Lấy mẫu ngày 27/06/2025.
 - + Đợt 2: Lấy mẫu ngày 18/11/2025.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần (thực hiện 02 đợt/năm).

- Vị trí các điểm quan trắc:

+ Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải: có tọa độ X: 1141728 và Y: 552146 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*);

+ Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải: có tọa độ X: 1141545 và Y: 552358 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu (02 mẫu/đợt).

- Các thông số giám sát: pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ (tính theo P), Tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Clo dư, Coliforms.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Môi trường và Tài nguyên – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp; Số Vimcerts: 324.

- Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp: Căn cứ Giấy phép môi trường số 2314/GPMT-UBND ngày 21/08/2023, nước thải sau xử lý được so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K_q = 1,1; K_f = 1,1. (*Chi tiết Kết quả phân tích đính kèm phần Phụ lục*).

Qua 02 đợt quan trắc định kỳ năm 2025, chất lượng nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Long Uyên cơ bản đáp ứng yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K_q = 1,1; K_f = 1,1.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Theo nội dung Giấy phép môi trường số 2314/GPMT-UBND ngày 21/08/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp, hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải tập trung phải xử lý bằng công trình xử lý chuyên biệt. Nguồn phát sinh khí thải, bụi chủ yếu là khí thải khuếch tán từ hoạt động vận chuyển nội bộ và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất. Để kiểm soát và giảm thiểu tác động đến môi trường không khí xung quanh, cơ sở đã và đang thực hiện các biện pháp sau:

a) Đối với khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển

- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và lưu thông nội bộ được quản lý chặt chẽ về tải trọng, không chở quá tải, sử dụng nhiên liệu đúng theo thiết kế của động cơ;

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hạn chế phát sinh khí thải và khói đen;

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, tránh tập trung nhiều phương tiện cùng thời điểm gây ùn ứ và gia tăng phát thải;

- Đường giao thông nội bộ và sân bãi trong khuôn viên cơ sở được bê tông hóa, thường xuyên quét dọn và phun nước, đặc biệt vào các ngày nắng nóng, nhằm hạn chế bụi phát tán do phương tiện vận chuyển;

- Trang bị khẩu trang bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại các khu vực có nguy cơ phát sinh bụi.

b) Đối với bụi phát sinh trong khu vực sản xuất

- Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, có bố trí cửa ra vào, cửa thông gió hợp lý; lắp đặt quạt công nghiệp, quạt hút mái và quạt hút tường nhằm tăng cường lưu thông không khí, giảm tích tụ bụi trong khu vực sản xuất;

- Áp dụng biện pháp làm mát bằng màng nước kết hợp quạt hút, hỗ trợ giảm bụi và cải thiện điều kiện vi khí hậu trong nhà xưởng;

- Máy móc, thiết bị sản xuất được kiểm tra, bảo trì định kỳ, hạn chế phát sinh bụi và khí thải trong quá trình vận hành;

- Thực hiện vệ sinh, quét dọn thường xuyên khu vực sản xuất và khuôn viên nhà máy, hạn chế bụi tồn lưu;

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay, kính bảo hộ; yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm các quy định về vệ sinh và an toàn lao động trong quá trình làm việc.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)/năm	Khối lượng (tấn)/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chai nhựa, bao nylon, giấy, thức ăn thừa, ...	158,28	~ 0,4336	Công ty TNHH Môi trường Thành Tài	126,126

b) Thống kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên):

TT	Nhóm CTCRCNTT	Khối lượng (tấn)/năm	Khối lượng (tấn)/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)	00	00	-	
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT)	5.398,086 (*)	~14,789	1. Công ty TNHH DTH Môi Trường Xanh (Từ tháng 01 đến tháng 06/2025) 2. Công ty TNHH MTV Môi Trường 63 (Từ tháng 6 đến tháng 12/2025)	3.203,12
3	Chất thải phải xử lý (Bùn thải công nghiệp không nguy hại)	9,4 (**)	~0,026	Công ty TNHH DTH Môi Trường Xanh	9,08

Ghi chú: - (*): + Chuyển giao cho Công ty TNHH DTH Môi Trường Xanh (Từ tháng 01 đến tháng 06/2025): Tổng cộng 2.502,63 tấn;

+ Chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi Trường 63 (Từ tháng 06 đến tháng 12/2025): Tổng cộng 2.895,456 tấn.

- (**): Chuyển giao cho Công ty TNHH DTH Môi Trường Xanh xử lý theo Hóa đơn số 143 ngày 16/12/2025.

b1) Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTCRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở **không** thuộc loại hình cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu hay CTCRCNTT từ bên ngoài để tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Tổ chức, cá nhân chuyển giao CTCRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Chủng loại chất thải	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Không có	-	-	-	-

b2) Thống kê các loại CTCRCNTT khác phải xử lý (nếu có)

TT	Nhóm CTRTT khác	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Không có	-	-	-	-	-

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

- Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)/năm	Khối lượng (kg)/ngày	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh	16 01 06	77	0,2110	PT-HR	Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng	38
Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	04	0,0110	TĐ-HR		04
Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) từ quá trình khám bệnh, điều trị và phòng ngừa bệnh ở người	13 01 01	01	0,0027	TĐ-HR		-
Ắc quy thải	16 01 12	-	-	TC-SH-TĐ		01
Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần	16 01 13	03	0,0082	TC-SH-TĐ		-
Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 01	01	0,0027	TĐ-HR		04
Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01	0,0027	TĐ-HR		-
Tổng khối lượng		87	0,2383			47

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

❖ **Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý:** Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng.

- Địa chỉ: Ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp.

- Mã số thuế: 0303400455-001.

- Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.054.VX do Bộ Tài

nguyên và Môi trường cấp ngày 02/12/2021.

- Các hợp đồng thực hiện trong năm 2025: Hoạt động thu gom, xử lý được thực hiện căn cứ theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 202/24/HĐXL-CN ký ngày 21/12/2024 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng và Công ty TNHH Long Uyên: Là căn cứ thực hiện cho đợt thu gom, xử lý 6 tháng đầu năm 2025 (Hóa đơn số 216 ngày 27/06/2025).

+ Hợp đồng số 178/25/HĐXL-CN ký ngày 20/12/2025 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng và Công ty TNHH Long Uyên: Là căn cứ thực hiện cho đợt thu gom, xử lý cuối năm 2025 (Hóa đơn số 514 ngày 25/12/2025).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): **Không có.**

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): **Không có.**

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

STT	Thu gom	Lưu trữ	Vận chuyển	Xử lý
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thoát thải	x	x	x	x
Giẻ lau nhiễm TPNH	x	x	x	x
Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	x	x	x	x

5. Về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế):

Căn cứ Giấy phép môi trường số 2314/GPMT-UBND do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 21/08/2023, Công ty TNHH Long Uyên là cơ sở sản xuất với loại hình “Chuyên sản xuất các nông sản, trái cây đông lạnh xuất khẩu như: khổ qua, bắp, khoai lang, khoai mì, khóm, thanh long, măng cầu, xoài, chôm chôm, ...”, **không phải** là cơ sở y tế

Ghi chú: Đối với lượng nhỏ chất thải lây nhiễm phát sinh từ hoạt động sơ cấp cứu tại nhà máy (Mã CTNH: 13 01 01), Công ty đã thực hiện quản lý, thu gom và chuyển giao xử lý theo quy định về quản lý CTNH (Số liệu đã được thống kê chi tiết tại Mục 4 của Báo cáo này).

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Hàng năm, Nhà máy vẫn xây dựng và thực hiện các kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về Phòng cháy chữa cháy và Phương án cứu nạn, cứu hộ. Ngoài ra, Nhà máy vẫn luôn thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố khi hệ thống xử lý môi trường hoạt động không hiệu quả.

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau

6.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

6.2.1.1. Phòng cháy chữa cháy

a) Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ

- Tổng số công nhân viên: khoảng 300 người.

- Lực lượng Đội PCCC cơ sở: 30 người là CNV của công ty và Đội bảo vệ do ông Lê Thành Quốc làm đội trưởng trực tiếp chỉ huy.

b) Phương tiện chữa cháy tại chỗ của cơ sở

STT	Chủng loại phương tiện chữa cháy	Đơn vị tính	Số lượng	Vị trí bố trí	Ghi chú
1	Bình bột MFZ8	Bình	26	Khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, Khu nguyên liệu, Khu phụ trợ	
2	Bình bột MFT35	Bình	02	Khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, Khu nguyên liệu, Khu phụ trợ	
3	Bình khí CO ₂ MT5	Bình	41	Khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, Khu nguyên liệu, Khu phụ trợ	
4	Đầu báo khói và báo nhiệt	Đầu	104	Khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, Khu nguyên liệu, Khu phụ trợ	
5	Tủ nước chữa cháy vách tường	Cái	17	Khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, Khu nguyên liệu, Khu phụ trợ	
6	Máy bơm chữa cháy	chiếc	03	Trạm bơm nước PCCC	Bơm diesel, bơm điện, bơm bù áp

- Toàn bộ dụng cụ, phương tiện chữa cháy trên được kiểm tra thường xuyên.

- Hệ thống báo chất tự động được lắp đặt cho toàn bộ xưởng sản xuất trong nhà máy, nhà kho và khu vực văn phòng của công ty.

- Tất cả các phương tiện chữa cháy đều trong tình trạng hoạt động tốt, có kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên theo quy định.

- Việc bố trí các dụng cụ, phương tiện chữa cháy đều ở những nơi dễ thấy, dễ lấy khi có sự cố cháy xảy ra.

d) Phương án xử lý một số tình huống cháy

Nêu ra 01 phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất và 02 phương án xử lý tình huống cháy đặc trưng.

6.2.1.2. Phương án cứu nạn, cứu hộ

a) Tổ chức lực lượng

- Công ty có khoảng 300 người thường xuyên làm việc;
- Đội PCCC cơ sở được thành lập gồm 30 người;
- Đội trưởng Đội PCCC cơ sở: Ông Lê Thành Quốc.

Các thành viên trong đội PCCC và CNCH cơ sở hàng năm được cử đi tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ PCCC và CNCH do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ) tổ chức và sử dụng thành thạo các phương tiện PCCC và CNCH tại chỗ cũng như các thao tác CNCH cơ bản.

b) Lực lượng thường trực cứu nạn, cứu hộ

- Lực lượng PCCC tại chỗ được luôn đảm bảo công tác thường trực 24/24h. Ngoài giờ luôn có 03 người thường trực và bảo vệ.

c) Phương tiện cứu nạn, cứu hộ của cơ sở

- Tại công trình lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy gồm: 17 tủ chữa cháy bên trong khu nhà văn phòng, PXSX, PXCĐ, khu nguyên liệu, đường ống cấp nước chữa cháy có đường kính 114 mm, 90 mm, 60 mm, tất cả kết nối với hệ thống cấp nước gồm 03 máy bơm chữa cháy hiệu Diesel, bơm điện, bơm bù áp lưu lượng $Q = 1200$ l/p, cột áp $H = 60$ mH₂O, hồ nước 120 m³ được cấp nước phục hồi từ đường ống cấp nước sạch D90 với lưu lượng 42 m³/h từ Đường tỉnh 864 dẫn vào;

- Tại công ty trang bị bố trí bình chữa cháy các loại đã được kiểm định và đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt;

- Ngoài ra, công ty còn lắp đặt hệ thống báo chữa cháy tự động gồm 04 trung tâm báo cháy kết nối 104 đầu báo khói và nhiệt;

- Bộ đèn EXIT, đèn sự cố, bộ nội quy tiêu lệnh, cấm lửa, cấm hút thuốc được lắp đặt bên trong các xưởng và trên các lối đi;

- Các phương tiện chữa cháy luôn được kiểm tra định kỳ, đảm bảo hoạt động tốt nhất khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

6.2.1.3. Phòng ngừa sự cố môi trường

- Lắp đặt đầy đủ thiết bị, dụng cụ, phương tiện để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn và huấn luyện để xây dựng lực lượng tại chỗ có khả năng ứng phó ban đầu với các sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có biện pháp rà soát, phát hiện và loại trừ ngay các nguyên nhân có thể gây ra sự cố môi trường khi phát hiện các dấu hiệu bất thường.

6.2.4. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

- Trong kỳ báo cáo năm 2025, tại cơ sở không xảy ra sự cố cháy nổ hay sự cố môi trường nghiêm trọng nào.

- Công ty duy trì chế độ trực ban và sẵn sàng kích hoạt phương án ứng phó theo quy trình đã lập khi có tình huống phát sinh.

- Đối với sự cố do thiên tai, cháy nổ (liên quan đến phát tán ô nhiễm):

+ Công ty đã xây dựng hệ thống cột chống sét và dây dẫn cọc tiếp địa đúng kỹ thuật để phòng ngừa sự cố cháy nổ nhà xưởng do sét đánh, ngăn ngừa nguy cơ phát tán khí độc hại ra môi trường.

+ Hệ thống dẫn điện và chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác để thuận tiện cho việc sửa chữa, bảo trì; đồng thời trang bị hệ thống ngắt mạch điện tự động (Aptomat) để chống chập mạch, cháy nổ.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Tuân thủ chặt chẽ các bước trong quy trình vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải của cơ sở (Công suất thiết kế 150 m³/ngày.đêm), đảm bảo sử dụng hóa chất khử trùng (Chlorine) đúng liều lượng để nước thải đầu ra luôn đạt quy chuẩn;

+ Thực hiện chương trình giám sát chất lượng nước thải sau xử lý định kỳ (06 tháng/lần) để kịp thời phát hiện các thông số vượt ngưỡng (nếu có) và có biện pháp khắc phục ngay lập tức, ngăn chặn sự cố xả thải vượt chuẩn ra nguồn tiếp nhận.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Cơ sở không sử dụng nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy (POPs) trong quá trình sản xuất.

7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm	Mã CAS	Thời điểm nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu	Nồng độ chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa thiết bị chứa chất ô nhiễm (nếu biết)	Khối lượng đã sử dụng	Khối lượng còn lưu giữ tại kho	Kết quả đánh giá sự phù hợp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Không có	-	-	-	-	-	-	-

7.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại Cơ sở

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (Quan trắc, tính toán, ước tính)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước	-	-
2	Phát thải vào môi trường không khí	-	-
3	Phát thải vào môi trường đất	-	-
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống xử lý nước thải	-	-
5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại	-	-
5.1	<i>Trong cơ sở</i>	-	-
5.2	<i>Cơ sở tái chế</i>	-	-
5.3	<i>Thải bỏ</i>	-	-

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Trong năm 2025, Công ty chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không phát sinh các yêu cầu khắc phục từ cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phần 2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH
(Phần này chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH)

Cơ sở chỉ phát sinh chất thải trong quá trình hoạt động và thực hiện phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định; **không thực hiện** hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT và CTNH.

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu (Phần này chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Cơ sở **không** sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu (Phần này chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Cơ sở **không** có hoạt động khai thác khoáng sản.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Kim Sơn;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC NĂNG NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký của cơ quan, tổ chức)



Võ Công Thức